fàn zuì xué

犯罪学

noun · criminology

Example Sentences

tā dà xué zhǔ xiū fàn zuì xué
他大学主修犯罪学。

He majored in criminology in college.

fàn zuì xué yán jiū fàn zuì de yuán yīn hé yù fáng fāng fǎ
犯罪学研究犯罪的原因和预防方法。

Criminology studies the causes of crime and prevention methods.

Trace each character, then write the word on your own.

犯 犯 犯 犯 犯 犯 犯 犯

罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪

罪 罪 罪 罪 罪

学 学 学 学 学 学 学 学 学 学 学